

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC TÀI CHÍNH CHẤT LƯỢNG VÀ ĐẦU TƯ
THANH VÂN GROUP**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC TÀI CHÍNH CHẤT LƯỢNG VÀ ĐẦU TƯ THANH VÂN GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH VAN GROUP INVEST AND QUALITY FINANCIAL EDUCATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THANH VAN GROUP.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110197510

3. Ngày thành lập: 02/12/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 17 Ngõ 40 Văn La, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0334638789

Fax:

Email: thanhvangroup6868789@gmail.com Website: .com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
7.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
8.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
11.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
12.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
13.	Bán buôn thực phẩm	4632
14.	Bán buôn đồ uống	4633
15.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dụng phẩm và dụng cụ y tế	4649
17.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
18.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
21.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
25.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
26.	Giáo dục nhà trẻ	8511
27.	Giáo dục mẫu giáo	8512
28.	Giáo dục tiểu học	8521
29.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
30.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
31.	Đào tạo sơ cấp	8531
32.	Đào tạo trung cấp	8532
33.	Đào tạo cao đẳng	8533
34.	Đào tạo đại học	8541
35.	Đào tạo thạc sĩ	8542
36.	Đào tạo tiến sĩ	8543
37.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
38.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
39.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ dạy về tôn giáo, các trường về tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
40.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
41.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
42.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
43.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
44.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
45.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710(Chính)
46.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện	8720
47.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc	8730
48.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
49.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000

50.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
51.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
52.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
53.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
54.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
55.	Lập trình máy vi tính	6201
56.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
57.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
58.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
59.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
60.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động báo chí)	6399
61.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn thuế, tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật)	6619
62.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (hoạt động theo Điều 4 Nghị Định số 02/2022/NĐ-CP ngày ngày 06 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật kinh doanh bất động sản)	6810
63.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản (hoạt động theo Điều 62 Luật kinh doanh bất sản năm 2014) - Dịch vụ tư vấn bất động sản (hoạt động theo Điều 74 Luật kinh doanh bất sản năm 2014) - (trừ hoạt động đấu giá)	6820
64.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

65.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội chi tiết:- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực tâm lý học - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học giáo dục - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực thông tin đại chúng và truyền thông; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội khác.	7221
66.	Quảng cáo	7310
67.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
68.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất Thiết kế thời trang	7410
69.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
70.	Cho thuê xe có động cơ	7710
71.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
72.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
73.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
74.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
75.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
76.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
77.	Sản xuất cà phê	1077
78.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
79.	Sản xuất rượu vang	1102
80.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
81.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
82.	Sản xuất giày, dép	1520
83.	In ấn	1811
84.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
85.	Sao chép bản ghi các loại	1820
86.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất dược liệu	2100
87.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
88.	Đúc kim loại màu	2432
89.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

90.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
91.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô. (Nghị định 10/2020/NĐ – CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
93.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
94.	Cơ sở lưu trú khác	5590
95.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
96.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
97.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
98.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
99.	Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ	5813
100.	Xuất bản phần mềm	5820
101.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
102.	Hoạt động hậu kỳ	5912
103.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
104.	Đại lý du lịch	7911
105.	Điều hành tua du lịch	7912
106.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
107.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
108.	Xây dựng nhà để ở	4101
109.	Xây dựng nhà không để ở	4102
110.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
111.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
112.	Xây dựng công trình điện	4221
113.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
114.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
115.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
116.	Xây dựng công trình thủy	4291
117.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
118.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
119.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

120.	Phá dỡ (trừ hoạt động nổ mìn)	4311
121.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động nổ mìn)	4312
122.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
123.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
124.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
125.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
126.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
127.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 10.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ VĂN NGỌC	1B125 Khu C, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	3,000	0310620004 13	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	3,000		

2	PHẠM THỊ VÂN	Số 31 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	7.000.000	70.000.000.000	70,000	038184005697
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	7.000.000	70.000.000.000	70,000	
3	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	Thôn Ứng Hòa, Xã Lam Điền, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	5,000	001075015708
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	5,000	
4	PHẠM VĂN NGỌC	Thôn Yên Phú, Xã Thạch Bình, Huyện Thạch Thành, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	700.000	7.000.000.000	7,000	038089034008
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	700.000	7.000.000.000	7,000	

5	ĐÀM VĂN DŨNG	Tổ 14, Khu 2, Phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.500.000	15.000.000.000	15,000	022084003630
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.500.000	15.000.000.000	15,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THỊ VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 27/04/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038184005697

Ngày cấp: 16/03/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Yên Khánh, Xã Thạch Bình, Huyện Thạch Thành, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 31 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội